

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST.  
Ngày 19-11-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1994.

Cư trú tại: Ấp B, xã Đ, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn T, sinh năm 1989.

Cư trú tại: Ấp B, xã Đ, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Chị H, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi cưới, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh T tại ấp B, xã Đ, chị làm công nhân, anh T làm thuê, kinh tế độc lập với gia đình. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ cuối

năm 2019, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp với nhau, không thể hiểu nhau, thường xuyên gây gổ nhau. Vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 11-2019 đến nay. Khi ly thân, chị về sống cùng nhà chị ruột của chị tại phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đến nay, vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không còn hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Lê Tấn L, sinh ngày 01-5-2013 và cháu Lê Gia G, sinh ngày 14-4-2015. Hiện tại cháu L đang sống cùng với anh T, cháu G đang sống cùng với chị. Cháu L và cháu G rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp với nhau và giữa vợ, chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình, thường xuyên gây gổ nhau. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 11-2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không thể hàn gắn được vì đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Lê Tấn L, sinh ngày 01-5-2013 và cháu Lê Gia G, sinh ngày 14-4-2015. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; anh đồng ý giao cháu G cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Lê Văn T. Chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Lê Tấn L, sinh ngày 01-5-2013 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Gia G, sinh ngày 14-4-2015 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh T chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2019 và vợ chồng chị H, anh T đã tự ly thân đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị H yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn chị H.

Xét thấy, chị H và anh T tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị H và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T, cho chị H được ly hôn anh T là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Cháu Lê Tấn L, sinh ngày 01-5-2013 hiện đang sống cùng anh T; cháu Lê Gia G, sinh ngày 14-4-2015 hiện đang theo sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G và giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và anh T cũng đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu G cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị H, anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Về hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Lê Văn T.

Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Văn T.

#### **2. Về con chung:**

Giao cháu Lê Tấn L, sinh ngày 01-5-2013 cho anh Lê Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Lê Gia G, sinh ngày 14-4-2015 cho chị Phạm Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh T, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

#### **4. Án phí:**

Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015213 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị H, anh T có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Minh Thư**